

Môn: **Marketing dv**
CBGD: **Nguyễn Thị Bảo Nghi**

Nhóm: **05**

Mã sinh viên	STT	Họ lót	Tên	Đ.QT	thi	Đ.HP
2121260118	1	Nguyễn Thị Ngọc Phương	Anh	8.1	4.0	5.7
2121270004	2	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	7.6	8.0	7.9
2121270039	3	Đặng Thị Hồng	Ân	8.0	8.0	8.0
2121170501	4	Trương Quốc	Bảo	0.0		0.0
2119270141	5	Phạm Nguyễn Quốc	Dũng	7.6	7.5	7.5
2121270052	6	Đào Ngọc Khánh	Duy	1.6		0.7
2121270057	7	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	7.6	3.0	4.9
2121270034	8	Cao Tiến	Dự	8.1	8.0	8.1
2121270032	9	Lê Văn	Đạo	7.5	6.5	6.9
2121270067	10	Nguyễn Vũ Trường	Giang	7.2	4.0	5.3
2121270022	11	Châu Thị Thu	Hà	4.4		1.8
2121260121	12	Nguyễn Dương Gia	Hân	7.8	7.0	7.3
2121270035	13	Dương Phước	Hậu	9.3	8.5	8.8
2120260009	14	Nguyễn Thị Thu	Hiền	8.3	7.5	7.8
2121270011	15	Võ Thị Diệu	Hiền	8.4	8.0	8.2
2121270048	16	Nguyễn Phúc	Hiệp	7.0	7.0	7.0
2121270063	17	Huỳnh Trung	Hiếu	7.8	7.0	7.3
2121270001	18	Phạm Thị Thanh	Hoa	7.5	7.0	7.2
2121270040	19	Nguyễn Hữu	Hoàng	4.3	4.0	4.1
2121270068	20	Lê Xuân	Hội	6.9	4.0	5.2
2121270055	21	Nguyễn Thanh	Huy	5.9	5.0	5.4
2121270010	22	Triệu Quang	Khải	8.5	8.0	8.2
2120260185	23	Võ Đăng	Khoa	7.4	6.5	6.9
2121270031	24	Trần Gia	Kiệt	7.1	4.0	5.2
2121270023	25	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	8.1	3.0	5.1
2121270015	26	Nguyễn Thị Thu	Lành	7.5	8.0	7.8
2121270069	27	Lê Thị	Loan	4.1	7.5	6.2
2120270217	28	Đặng Thị	Lựa	8.4	8.0	8.2
2120270014	29	Hoàng Ngọc	Luân	8.4	8.5	8.5
2119260055	30	Huỳnh Thị Li	Ly	7.0	7.0	7.0
2119260017	31	Lê Thị Trúc	Ly	6.9	8.0	7.6
2121270042	32	Nguyễn Khánh	Ly	2.3		0.9
2121270002	33	Hồ Thanh	Lý	7.1	8.0	7.6
2121270044	34	Đỗ Hoàng	Nam	7.3	5.0	5.9
2121270056	35	Trương Hoài	Nam	7.2	7.0	7.1
2121260120	36	Lê Phạm Kim	Ngân	0.0		0.0
2121270064	37	Phạm Thị Kim	Ngân	7.4	8.0	7.8
2121270007	38	Nguyễn Thị Xuân	Ngọc	8.0	7.5	7.7
2121270029	39	Phan Châu	Nhân	3.9		1.6

2121270014	40	Từ Thanh	Nhân	7.4	7.0	7.2
2120270228	41	Huỳnh Triệu Ái	Nhi	8.6	8.0	8.3
2121270003	42	Nguyễn Thị Huyền	Nhi	7.6	6.5	7.0
2121270026	43	Thái Trương Yến	Nhi	8.0	7.0	7.4
2119260061	44	Võ Thị Yến	Nhi	7.0	5.0	5.8
2120260058	45	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	8.6	7.0	7.7
2121270024	46	Nguyễn Thị Xuân	Nường	4.4	6.0	5.4
2119260027	47	Nguyễn Thị Kim	Oanh	7.6	7.0	7.3
2121270033	48	Võ Thị Trúc	Phương	7.8	7.5	7.6
2121270008	49	Trần Thị	Phượng	7.8	3.5	5.2
2121270065	50	Phạm Vinh	Quang	7.5	4.0	5.4
2121270060	51	Phạm Chánh	Quyền	7.6	8.0	7.9
2121260115	52	Lê Nguyễn Như	Quỳnh	8.5	8.5	8.5
2121260117	53	Nguyễn Thị Mỹ	Quỳnh	9.0	7.5	8.1
2121270021	54	Nguyễn Thị	Thanh	7.9	7.5	7.7
2121270038	55	Phan Văn	Thành	7.6	8.0	7.9
2121270049	56	Nguyễn Thị Kim	Thảo	8.4	8.0	8.2
2119260068	57	Đào Văn	Thắng	7.6	7.5	7.6
2121270061	58	Đỗ Thị Thanh	Thủy	7.8	8.0	7.9
2121270006	59	Đỗ Thị Ngọc	Thúy	8.5	7.5	7.9
2121270025	60	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	7.5	4.0	5.4
2121270047	61	Võ Huỳnh Phương	Thy	4.4		1.8
2121260123	62	Nguyễn Văn	Tiên	4.1	5.5	5.0
2119270163	63	Bùi Minh	Tiến	8.4	6.0	7.0
2121270054	64	Nguyễn Chánh	Tín	7.6	4.0	5.5
2121270043	65	Trần Thị Huyền	Trang	7.0	8.0	7.6
2121260113	66	Nguyễn Thị Thu	Trâm	8.1	7.5	7.8
2121270030	67	Trần Thị Bảo	Trân	8.3	7.0	7.5
2121270005	68	Nông Duyên	Trình	8.0	8.0	8.0
2121270020	69	Võ Thị Thanh	Trúc	7.7	7.5	7.6
2121260116	70	Võ Hoàng	Trung	5.8	7.5	6.8
2121270051	71	Trần Ngọc	Trường	7.6	7.0	7.3
2121270066	72	Trần Cẩm	Tú	8.3	7.0	7.5
2121260119	73	Nguyễn Duy	Tường	7.3	6.0	6.5
2121270059	74	Đinh Thị	Vân	8.0	3.5	5.3
2120270137	75	Trần Thị Yến	Vi	8.5	7.0	7.6
2121270013	76	Trương Phước	Vĩ	4.1		1.7
2117260083	77	Nguyễn Hồ Cẩm	Viên	7.7	7.0	7.3
2121270019	78	Lê Tuấn	Vũ	7.1	6.5	6.7
2121260114	79	Võ Thành Anh	Vũ	4.3	3.5	3.8
2121270037	80	Lưu Thị Thúy	Vy	3.9		1.6
2121270017	81	Nguyễn Thị Bích	Vy	8.4	4.0	5.8
2121270045	82	Trần Thị Tường	Vy	7.8	8.0	7.9
2121270058	83	Phạm Thị Mỹ	Xuyên	7.7	8.0	7.9

2121260122	84	Từ Thị Như	Ỡ	7.9	7.0	7.4
2120210035	85	Huỳnh Thị Kim	Ỡn	7.5	7.0	7.2